TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Sô Huy

2. Bà Bùi Thanh Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 716/21, khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

- *Bị đơn*: Anh **Võ Phú C**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 716/21, khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Vào năm 2001, chị và anh Võ Phú C do mai mối đã tìm hiểu nhau và sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L vào ngày 12/7/2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm gia đình, chị đã khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Ô, sau đó chị có rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, anh C vẫn không thay đổi tính tình, anh còn đánh chị nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Võ Thị Hồng Đ (nữ), sinh ngày 15/5/2002 và Võ Minh T (nam), sinh ngày 22/7/2006. Chị B đồng ý tiếp tục giao hai cháu Hồng Đ và Minh T cho anh C nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai và quá trình giải quyết, bị đơn anh Võ Phú C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B do mai mối, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường L. Đến đầu năm 2019 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cãi nhau, chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Võ Thị Hồng Đ (nữ), sinh ngày 15/5/2002 và Võ Minh T (nam), sinh ngày 22/7/2006. Nếu vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị B và anh Võ Phú C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị B khởi kiện xin ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Phú C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh C vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị B và anh C chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2004, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm vợ con, thường uống rượu về khuya, khi cự cải có đánh chị và đuổi chị đi, chị B đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vì thương con nên chị quay về chung sống, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm ai, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, chị B xác định đã không còn tình cảm với anh C nữa nên chị cương quyết xin ly hôn với anh C.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau nên chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh C vắng mặt không lý do.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay các bên không có biện pháp khắc phục những mâu thuẫn để cùng nhau hàn gắn tình cảm, điều đó cho thấy mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con tên Võ Thị Hồng Đ (nữ), sinh ngày 15/5/2002 và Võ Minh T (nam), sinh ngày 22/7/2006.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C có yêu cầu được nuôi hai con chung đến trưởng thành, chị B đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện anh C đang nuôi dưỡng hai cháu Hồng Đ và Minh T, anh C có đảm bảo cho hai cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập nên ổn định cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị B thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh C đều xác định là không có nên không yêu cầu giải quyết, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh C nên chị B đồng ý tách phần tài sản chung, nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Võ Phú C.

- Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Võ Thị Hồng Đ (nữ), sinh ngày 15/5/2002 và Võ Minh T (nam), sinh ngày 22/7/2006 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị B không cấp dưỡng nuôi con.

Chị B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị B, không ai được quyền cản trở chị B thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh C thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do vắng mặt anh Cường nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* chuyển tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 000247 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị B đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Liên

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.